

Bản án số: 924/2022/HC-PT

Ngày: 28-11-2022

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi
thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà
nước thu hồi đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 334/2022/TLPT-HC ngày 04/7/2022, về việc “**Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất**”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1243/2021/HC-ST ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2163/2022/QĐPT-HC ngày 31 tháng 10 năm 2022; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Bà Hoàng Thị Ngọc L, sinh năm 1958 (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Hoàng Bảo N, sinh năm 1984 (có mặt).

3. Bà Nguyễn Hoàng Bảo C, sinh năm 1983 (có mặt).

Cùng địa chỉ: 119B ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Hoàng Thị Ngọc L và bà Nguyễn Hoàng Bảo N: Bà Nguyễn Hoàng Bảo C (có căn cước nêu trên, theo Giấy ủy quyền số 015673 ngày 21/11/2019 lập tại Văn phòng công chứng Lý Thị Như Hòa, có mặt).

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Hồng T, Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện H

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H.

Cùng địa chỉ: Số 01 Lý Nam Đế, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn T; Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H (Văn bản số 3561/UBND và số 3562/UBND cùng ngày 19/8/2020, có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Bà Nguyễn Thị X – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H (có mặt).

2. Ông Huỳnh Quốc P – Chuyên viên Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện H (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ủy ban nhân dân huyện H và Chủ tịch UBND huyện H là người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản đối thoại, người khởi kiện bà Hoàng Thị Ngọc L, bà Nguyễn Hoàng Bảo N, bà Nguyễn Hoàng Bảo C trình bày:

Thửa đất số 113, tờ bản đồ số 14 có diện tích 73m² tọa lạc tại xã Thới Tam Thôn, huyện H đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 197/1998 ngày 18/7/1998 cho bà Nguyễn Thị Rành, mục đích sử dụng là đất T. Diện tích đất trên bà Rành đã xây dựng nhà ở từ năm 1993.

Ngày 29/8/2000, bà Rành bán căn nhà và chuyển quyền sử dụng đất trên cho ông Nguyễn Văn R, gia đình ông Nguyễn Văn R sử dụng để ở ổn định liên tục, không có tranh chấp, không bị xử phạt từ đó cho đến khi bị thu hồi.

Ngày 18/5/2019, UBND huyện H ban hành Quyết định số 5521-340/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Hoàng Bảo N đại diện để thực hiện Dự án nâng cấp, sửa chữa Tỉnh lộ 9 (Đường Đặng Thúc Vịnh), huyện H (Quyết định số 5521-340/QĐ-UBND ngày 18/5/2019).

Không đồng ý với quyết định trên, bà Nguyễn Hoàng Bảo C là con ruột của ông Nguyễn Văn R đã đại diện gia đình khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện H, cụ thể là không đồng ý với nội dung bồi thường, hỗ trợ đất bị ảnh hưởng là đất nông nghiệp, không được áp giá đền bù phần nhà xây dựng trên đất, không được tái định cư.

Ngày 16/7/2019, UBND huyện H ban hành Công văn số 461/BBT của Ban giải phóng mặt bằng về việc phúc đáp kiến nghị của gia đình bà Nguyễn Hoàng Bảo C như sau: Bồi thường, hỗ trợ về đất: xác định diện tích đất của gia đình

đang sử dụng bị ảnh hưởng trong dự án không đủ điều kiện để được công nhận là đất ở; Bồi thường về hỗ trợ nhà ở, công trình, vật kiến trúc gắn liền với đất. Áp dụng Quyết định 1291/QĐ-BXD ngày 12/10/2018 về công bố suất vốn đầu tư xây dựng và giá trị tổng hợp, hiện nay đang chờ cơ quan chức năng có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện nên tạm thời chưa tính bồi thường hỗ trợ.

Chưa nhận được kết quả giải quyết thỏa đáng, gia đình bà Nguyễn Hoàng Bảo C tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện H.

Ngày 03/10/2019, gia đình bà Nguyễn Hoàng Bảo C nhận được Thông báo số 5063/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện H.

Ngày 05/11/2019, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 5191/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Hoàng Bảo C, nội dung không công nhận khiếu nại (Quyết định số 5191/QĐ-UBND ngày 05/11/2019).

Ngày 13/11/2019, UBND huyện H ban hành Văn bản số 5701/UBND về việc trả lời đơn của bà Nguyễn Hoàng Bảo C (Văn bản số 5701/UBND ngày 13/11/2019) với nội dung: "... Về nội dung bà Nguyễn Hoàng Bảo C phản ánh việc Ủy ban nhân dân huyện chưa áp giá bồi thường phần diện tích nhà và vật kiến trúc đã xây dựng trên đất bị ảnh hưởng bởi dự án nâng cấp, sửa chữa đường Tỉnh lộ 9 (Đường Đặng Thúc Vịnh): Ủy ban nhân dân huyện căn cứ vào Điều 20 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố và căn cứ Quyết định số 1291/QĐ-BXD ngày 12/10/2018 của Bộ Xây dựng về công bố suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2017 để tính bồi thường, hỗ trợ đối với trường hợp của gia đình bà Nguyễn Hoàng Bảo C là đúng quy định...".

Đơn khiếu nại của gia đình bà Nguyễn Hoàng Bảo C thể hiện rõ 02 nội dung là UBND huyện H đã không bố trí tái định cư và không áp giá bồi thường phần diện tích nhà và vật kiến trúc xây dựng trên đất bị giải tỏa nhưng UBND huyện H lại tách thành 02 nội dung để giải quyết, 01 nội dung bằng quyết định, 01 nội dung giải quyết bằng công văn. Cả hai nội dung trả lời trên của UBND huyện H đều không đúng quy định của pháp luật.

Đất của gia đình bà Nguyễn Hoàng Bảo C đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 197/1998 ngày 18/7/1998 cho bà Nguyễn Thị Rành, diện tích 73m², mục đích sử dụng là đất T. Theo hướng dẫn của Tổng cục quản lý đất đai, thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường thì "Trường hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp trước ngày 01/7/2004. Việc cấp giấy chứng nhận được thực hiện trong giai đoạn Luật đất đai năm 1993 có hiệu lực thi hành. Ngày 27/7/1995 Tổng cục Địa chính ban hành Quyết định số 499/QĐ-ĐC quy định về mẫu sổ địa chính, sổ mục kê đất, sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ theo dõi biến động đất đai, trong đó quy định loại đất có mục đích để ở ký hiệu bằng chữ T".

Bên cạnh đó, gia đình bà Nguyễn Hoàng Bảo C đều đóng thuế đất ở từ năm 2000 cho đến nay.

Như vậy, đất của gia đình bà Nguyễn Hoàng Bảo C là đất ở nhưng Ủy ban nhân dân huyện H lại áp giá đền bù là đất nông nghiệp, không bố trí tái định cư, không bồi thường phân diện tích nhà và vật kiến trúc trên đất là trái quy định của pháp luật.

Ngày 17/4/2020, gia đình bà Nguyễn Hoàng Bảo C có nhận được Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 về phê duyệt phương án điều chỉnh Phương án số 4847-340, điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 5521-340/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 và phương án 21-158/PA-HĐBT điều chỉnh phương án 4847-340 về bồi thường vật tư nhà ở, khi Nhà nước thu hồi đất của hộ ông/bà Nguyễn Văn R - Nguyễn Hoàng Bảo N đại diện thực hiện dự án bồi thường giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa Tỉnh lộ 9 (Đường Đặng Thúc Vịnh) (Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 09/3/2020).

Gia đình bà Nguyễn Hoàng Bảo C không đồng ý với quyết định trên vì giá trị bồi thường, hỗ trợ quá thấp chỉ có 25%, nhưng theo thực tế giá trị nhà bà Nguyễn Hoàng Bảo C phải được 100% vì áp dụng theo khoản 1 điều 20 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND thì đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân có giấy tờ hợp pháp, hợp lệ thì tính bồi thường bằng 100% giá trị xây dựng theo suất vốn đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng ban hành. Do đó, bà Nguyễn Hoàng Bảo C làm đơn khởi kiện bổ sung quyết định trên.

Các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hoàng Bảo C bao gồm hủy các quyết định sau: Quyết định số 5521-340/QĐ-UBND ngày 18/12/2018; Quyết định số 5191/QĐ-UBND ngày 05/11/2019; Văn bản số 5701/UBND ngày 13/11/2019 và Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 09/3/2020.

Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện H và UBND huyện H có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Văn Tuyên có Văn bản số 738/UBND ngày 26/02/2020 và Văn bản số 1684/UBND-TNMT ngày 08/4/2021 trình bày ý kiến như sau:

Ngày 18/12/2018, UBND huyện Hóc Môn ban hành Quyết định số 5521-340/QĐ-UBND, nội dung Điều 1 như sau: Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông/bà Nguyễn Văn R - Nguyễn Hoàng Bảo N đại diện, địa chỉ thường trú: 61/6 Quang Trung, Phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền: 116.677.200 (một trăm mười sáu triệu, sáu trăm bảy mươi bảy ngàn, hai trăm đồng).

Ngày 16/9/2019, bà Nguyễn Hoàng Bảo Châu là người đại diện ủy quyền khiếu nại Quyết định số 5521-340/QĐ-UBND ngày 18/12/2018, cụ thể: Bà Châu không đồng ý với nội dung bồi thường, hỗ trợ đất bị ảnh hưởng bởi dự án là đất nông nghiệp, đề nghị UBND huyện xem xét, điều chỉnh lại loại đất để áp giá bồi thường; đề nghị hỗ trợ, tái định cư cho gia đình bà Châu.

Ngày 05/11/2019, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 5191/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Hoàng Bảo C (Lần đầu) và ngày 13/11/2019, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Văn bản số 5701/UBND về việc trả lời đơn của bà Nguyễn Hoàng Bảo C.

Ngày 09/3/2020, UBND huyện ban hành Quyết định số 1083/QĐ-UBND điều chỉnh nội dung sau: Bà Nguyễn Hoàng Bảo C đại diện khai trình, địa chỉ thường trú: 119B ấp Tam Đông 3, xã Thới Tam Thôn, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền: 185.785.426 (một trăm tám mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi lăm ngàn, bốn trăm hai mươi sáu) đồng. Lý do: Bà Nguyễn Hoàng Bảo C được ủy quyền và bổ sung tiền bồi thường, hỗ trợ về tài sản theo Thông báo số 436/TB-VP ngày 17/7/2019 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố.

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí đất phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa Tỉnh lộ 9 (Đường Đặng Thúc Vịnh) số 144/2016(4)-128(TTT)/ĐĐXDHM lập ngày 10/01/2017 của Công ty Cổ phần đo đạc xây dựng Hóc Môn, phần đất bị ảnh hưởng đối với trường hợp bà Nguyễn Hoàng Bảo C có diện tích là 48.9m² thuộc thửa đất số 3, tờ bản đồ số 33 (TL2005), xã Thới Tam Thôn, huyện H, có nguồn gốc và quá trình sử dụng như sau:

Vị trí đất bị ảnh hưởng bởi dự án sửa chữa, nâng cấp Tỉnh lộ 9 (Đường Đặng Thúc Vịnh) thuộc thửa số 113, tờ bản đồ số 14 (TL 1995), loại đất T, tại địa chỉ số 119B ấp Tam Đông 3, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn.

Bà Nguyễn Thị Rành được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 197/1998QSĐĐ/Quyền 2 ngày 18/7/1998, diện tích 73 m², loại đất T.

Tháng 02/2000, bà Rành xây dựng nhà trên phần đất trên, không có giấy phép xây dựng, công trình trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.

Vào ngày 27/8/2000, bà Rành chuyển nhượng nhà - đất trên cho ông Nguyễn Văn Rang, gia đình ông Nguyễn Văn R sử dụng ổn định đến nay.

Phần đất bị ảnh hưởng bởi dự án nâng cấp, sửa chữa Tỉnh lộ 9 (Đường Đặng Thúc Vịnh) thuộc một phần thửa số 113, tờ bản đồ số 14 (TL 1995) thuộc lộ giới Tỉnh lộ 9 được thu hồi có diện tích 48,9 m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 197/1998QSĐĐ/Quyền 2 ngày 18/7/1998.

Phần công trình trên đất bị ảnh hưởng bởi dự án nâng cấp, sửa chữa Tỉnh lộ 9 (Đường Đặng Thúc Vịnh) không có giấy phép xây dựng, không có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Do đó, căn cứ Điều 11 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 2 Điều 5 Quy định kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố về ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, UBND huyện Hóc Môn áp dụng chính sách bồi thường đối với trường hợp gia đình bà Châu là đúng quy định, áp dụng bồi thường theo đơn giá đất nông nghiệp.

UBND huyện H đã triển khai thực hiện công tác thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; phê duyệt kế hoạch bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thực hiện thu hồi đất để thực hiện Dự án sửa chữa, nâng cấp đường Tỉnh lộ 9 (Đường Đặng Thúc Vịnh) đối với trường hợp bà Nguyễn Hoàng Bảo C theo quy định tại Điều 69 của Luật Đất đai năm 2013.

UBND xã Thới Tam Thôn đã thông báo, triển khai việc thực hiện Dự án đường Tỉnh lộ 9 (Đường Đặng Thúc Vịnh) đến hộ bà Nguyễn Hoàng Bảo C biết và có phối hợp thực hiện các thủ tục có liên quan theo quy định.

Căn cứ Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013, Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Quyết định số 4831/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND Thành phố và Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa đường Tỉnh lộ 9 (Đường Đặng Thúc Vịnh) xác định loại đất, đơn giá áp dụng bồi thường cho bà Nguyễn Hoàng Bảo C là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung đề nghị hỗ trợ, tái định cư: Căn cứ khoản 1 Điều 36 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố về tổ chức tái định cư, đối tượng, điều kiện được hỗ trợ tái định cư là hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở đủ điều kiện bồi thường theo quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013.

Trường hợp phần đất của gia đình bà Châu đang sử dụng, bị ảnh hưởng bởi dự án nâng cấp, sửa chữa Tỉnh lộ 9 (Đặng Thúc Vịnh) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 197/1998QSDĐ/Quyền 2 ngày 18/7/1998 ghi nhận mục đích sử dụng là loại T, không phải là loại đất ở, nên không thuộc đối tượng được hỗ trợ, bố trí tái định cư theo quy định.

Do đó, UBND huyện H ban hành Quyết định số 5521-340/QĐ-UBND ngày 18/12/2018; Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 và Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 5191/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Hoàng Bảo C (Lần đầu) và Văn bản số 5701/UBND ngày 13/11/2019 là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bác đơn khởi kiện của bà Hoàng Thị Ngọc L, bà Nguyễn Hoàng Bảo C và bà Nguyễn Hoàng Bảo N; giữ nguyên nội dung các quyết định nêu trên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1243/2021/HC-ST ngày 14/12/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ vào Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 206 và Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính 2015;

Căn cứ vào các Điều 11, 62, 63, 66, 67 và 69 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Điều 18 Luật khiếu nại 2011;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 3 và khoản 1 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 499/QĐ-ĐC ngày 27/7/1995 của Tổng cục Địa chính ban hành quy định mẫu sổ địa chính; sổ mục kê đất; sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; sổ theo dõi biến động đất đai;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu của người khởi kiện:

[1.1] Hủy toàn bộ các quyết định, văn bản sau:

- Quyết định số 5521-340/QĐ-UBND ngày 18/12/2012 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông/bà Nguyễn Văn R - Nguyễn Hoàng Bảo N đại diện thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa Tỉnh lộ 9 (Đường Đặng Thúc Vịnh), huyện H.

- Quyết định số 5191/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về việc trả lời đơn của bà Nguyễn Hoàng Bảo C.

- Văn bản số 5701/UBND ngày 13/11/2019 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc trả lời đơn của bà Nguyễn Hoàng Bảo C.

[1.2] Hủy một phần các quyết định sau:

- Hủy Điều 2 Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 về phê duyệt phương án điều chỉnh Phương án số 4847-340 và điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 5521-340/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông/bà Nguyễn Văn R - Nguyễn Hoàng Bảo N đại diện thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa Tỉnh lộ 9 (Đường Đặng Thúc Vịnh), huyện H.

- Hủy Điều 2 Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 27/4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc phê duyệt phương án điều chỉnh Phương án số 4847-340, phương án số 21-158 và điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 5521-340/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 và Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 về phê duyệt phương án điều chỉnh Phương án số 4847-340 và điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 5521-340/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của hộ ông/bà Nguyễn Hoàng Bảo C đại diện khai trình thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa đường Tỉnh lộ 9 (Đường Đặng Thúc Vịnh), huyện H.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng của đương sự.

Ngày 08/02/2022, người bị kiện là UBND huyện H và Chủ tịch UBND huyện H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Nguyễn Hoàng Bảo C là người khởi kiện và là người đại diện hợp pháp của hai người khởi kiện khác là bà Hoàng Thị Ngọc L và Nguyễn Hoàng Bảo N không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện. Người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến. Ông Huỳnh Quốc Phong và bà Nguyễn Thị X là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện không thay đổi, bổ sung, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu.

Trong phần tranh luận, các đương sự trình bày như sau:

Ông Huỳnh Quốc Phong và bà Nguyễn Thị X: Thừa nhận tại thời điểm thu hồi thi đất của gia đình bà Nguyễn Hoàng Bảo C được sử dụng làm nhà ở nhưng chưa xác định được việc xây dựng nhà có hợp pháp hay không. Các biên lai thu thuế mà người khởi kiện xuất trình chỉ là biên lai thu thuế hàng năm, nhưng loại thuế gì thì 02 ông bà không nắm được. Đất có nguồn gốc của bà Rành được cấp giấy chứng nhận năm 1998, chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn R vào năm 2000 (sau thời điểm công bố lộ giới Tỉnh lộ 9 - ngày 30/9/1995). Căn cứ vào Văn bản số 1025 ngày 24/9/2013 của Tổng cục Quản lý đất đai thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường thì ký hiệu loại đất ghi là “T” không phải là toàn bộ diện tích của thửa đất là Đất thổ cư, mà phải căn cứ vào thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất. Ông Phong, bà Nguyễn Hoàng Bảo C đề nghị chấp nhận kháng cáo của UBND huyện H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Bà Nguyễn Hoàng Bảo C: Bảo lưu toàn bộ các căn cứ đã trình bày trong bản án sơ thẩm, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Xét thấy Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

2. Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của UBND huyện H và Chủ tịch UBND huyện H làm trong hạn luật định, đúng hình thức. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

3. Về nội dung kháng cáo: Phần đất có diện tích 73m² mà UBND huyện H thu hồi của gia đình bà Nguyễn Hoàng Bảo C có nguồn gốc của bà Rành được cấp giấy chứng nhận vào năm 1998, khi cấp ghi rõ là đất “T” tức là đất Thổ cư. Tại thời điểm thu hồi thì diện tích đất nêu trên được gia đình bà Nguyễn Hoàng Bảo C sử dụng vào mục đích đất ở. Do đó toàn bộ diện tích đất này phải được bồi thường là đất ở và công trình được xây dựng trên diện tích đất này phải được bồi thường theo quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện H và Chủ tịch UBND huyện H làm trong thời hạn, có nội dung, hình thức phù hợp và đã nộp tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm, nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ủy ban nhân dân huyện H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H tham gia tố tụng với tư cách là người bị kiện. Tuy nhiên, cả hai người bị kiện đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện, theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của người bị kiện, nhận thấy:

[3.1] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Quyết định số 5521-340/QĐ-UBND của UBND huyện H được ban hành ngày 18/12/2018, có nội dung phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông/bà Nguyễn Văn R - Nguyễn Hoàng Bảo N đại diện để thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa Tỉnh lộ 9 (Đường Đặng Thúc Vịnh), huyện H; Quyết định số 5191/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện H ban hành ngày 05/11/2019, có nội dung giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Hoàng Bảo C và Văn bản số 5701/UBND của Chủ tịch UBND huyện H ban hành ngày 13/11/2019, có nội dung trả lời đơn của bà Nguyễn Hoàng Bảo C (sau đây viết tắt là Quyết định số 5521-340, Quyết định số 5191 và Văn bản số 5701). Đây là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại.

Bà Nguyễn Hoàng Bảo C khởi kiện yêu cầu huỷ các quyết định nêu trên vào ngày 22/11/2019. Do đó, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật và còn trong thời hiệu khởi kiện được quy định tại Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính 2015.

[3.2] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành các quyết định, văn bản hành chính: Bản án sơ thẩm xác định Quyết định số 5521-340, Quyết định số 5191 và Văn bản số 5701 được ban hành đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại các Điều 62, 63, 66, 67 và 69 Luật Đất đai 2013 và Điều 18 của Luật Khiếu nại 2011.

[3.3] Về nội dung:

[3.3.1] Đối với Quyết định số 5521-340:

Nhận thấy, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 197/1998/QSDĐ (Quyển 2) ngày 18/7/1998 do UBND huyện H cấp cho bà Nguyễn Thị Rành thửa đất số 113, tờ bản đồ số 14 có diện tích 73m² tọa lạc tại xã Thới Tam Thôn, huyện H ghi mục đích sử dụng là “T”; các Thông báo nộp thuế đất và Biên lai thu thuế đất của Chi cục thuế khu vực Quận 12 - huyện H đối với ông Nguyễn Văn R đều ghi “Thu thuế đất ở tại nông thôn” và Thông báo thu hồi đất số 758/TB-UBND ngày 02/3/2016 của UBND huyện H đối với ông Nguyễn Văn R (Giấy chứng nhận tên Nguyễn Thị Rành) có ghi “Loại đất đang sử dụng: Đất làm nhà ở”.

Tại Quyết định số 499/QĐ-ĐC ngày 27/7/1995 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn về mẫu sổ địa chính, sổ mục kê đất, sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ theo dõi biến động đất đai, quy định loại đất có mục đích để ở đô thị và đất ở nông thôn đều có ký hiệu bằng chữ “T”.

Tại khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai quy định về xác định loại đất quy định “*Trường hợp đang sử dụng đất ổn định mà không*

phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng đang sử dụng”.

Tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định 43 nêu trên quy định “*Sử dụng đất ổn định là việc sử dụng đất liên tục vào một mục đích chính nhất định kể từ thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích đó đến thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ... hoặc đến thời điểm quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền...*”.

Do đó, bản án sơ thẩm xác định loại đất mà Nhà nước thu hồi của gia đình bà Nguyễn Hoàng Bảo C là Đất ở nông thôn là có căn cứ, phù hợp với các quy định vừa viện dẫn ở trên.

Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ để xác định rằng, Quyết định số 5521-340 (Kèm theo phương án số 4847-240 ngày 17/12/2018 của Ban Bồi thường - Giải phóng mặt bằng huyện H) xác định diện tích đất thu hồi của gia đình bà Nguyễn Hoàng Bảo C là Đất nông nghiệp và bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà Nguyễn Hoàng Bảo C theo giá đất nông nghiệp là không đúng pháp luật.

[3.3.2] Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 5191, Văn bản số 5701, Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 và Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 27/4/2021:

Như phần trên đã kết luận diện tích đất mà Nhà nước thu hồi của gia đình bà Nguyễn Hoàng Bảo C là Đất ở nông thôn, nhưng Quyết định số 5521-340 xác định là Đất nông nghiệp và bồi thường theo giá đất nông nghiệp là không đúng pháp luật. Do đó, khi bà Nguyễn Hoàng Bảo C khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 5191 và Văn bản số 5701, có nội dung không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của bà Nguyễn Hoàng Bảo C là không đúng pháp luật.

Mặt khác, nhà và vật kiến trúc được xây dựng từ năm 2000 (sau khi có quy hoạch lộ giới đường Đặng Thúc Vịnh, trước ngày 01/7/2006) trên diện tích đất bị thu hồi không có giấy tờ hợp pháp, hợp lệ nhưng được xây dựng trên đất có đủ điều kiện bồi thường, nên nhà và vật kiến trúc của gia đình bà Nguyễn Hoàng Bảo C phải được hỗ trợ giá trị xây dựng 50% theo quy định tại các điểm a, c khoản 2 Điều 20 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố về ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng tại Điều 2 Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 và Điều 2 Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 27/4/2021, UBND huyện H lại bồi thường, hỗ trợ về tài sản cho gia đình bà Nguyễn Hoàng Bảo C đối với nhà lầu bằng 25%, mái che 15% và phần diện tích nhà lầu phía sau tính đến cột chịu lực 25% là không có căn cứ.

[4] Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy bản án sơ thẩm tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện không xuất trình được chứng cứ nào mới. Do đó, kháng cáo của người bị kiện là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên UBND huyện H và Chủ tịch UBND huyện H mỗi người phải chịu án phí theo luật định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1243/2021/HC-ST ngày 14/12/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 206 và Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính 2015;

Căn cứ vào các Điều 11, 62, 63, 66, 67 và 69 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Điều 18 Luật khiếu nại 2011;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 3 và khoản 1 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 499/QĐ-ĐC ngày 27/7/1995 của Tổng cục Địa chính ban hành quy định mẫu sổ địa chính; sổ mục kê đất; sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; sổ theo dõi biến động đất đai;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu của các bà Hoàng Thị Ngọc L, Nguyễn Hoàng Bảo N và Nguyễn Hoàng Bảo C.

[1.1] Hủy toàn bộ các quyết định, văn bản sau:

- Quyết định số 5521-340/QĐ-UBND ngày 18/12/2012 của Ủy ban nhân dân huyện H, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông/bà Nguyễn Văn R - Nguyễn Hoàng Bảo N đại diện thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa Tỉnh lộ 9 (Đường Đặng Thúc Vịnh), huyện H.

- Quyết định số 5191/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về việc trả lời đơn của bà Nguyễn Hoàng Bảo C.

- Văn bản số 5701/UBND ngày 13/11/2019 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc trả lời đơn của bà Nguyễn Hoàng Bảo C.

[1.2] Hủy một phần các quyết định sau:

- Hủy Điều 2 Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 về phê duyệt phương án điều chỉnh Phương án số 4847-340 và điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 5521-340/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông/bà Nguyễn Văn R - Nguyễn Hoàng Bảo N đại diện thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa Tỉnh lộ 9 (Đường Đặng Thúc Vịnh), huyện H.

- Hủy Điều 2 Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 27/4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc phê duyệt phương án điều chỉnh Phương án số 4847-340, phương án số 21-158 và điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 5521-340/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 và Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 về phê duyệt phương án điều chỉnh Phương án số 4847-340 và điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 5521-340/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của hộ ông/bà Nguyễn Hoàng Bảo C đại diện khai trình thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa đường Tỉnh lộ 9 (Đường Đặng Thúc Vịnh), huyện H.

[2] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân huyện H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H mỗi người phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào 600.000 (sáu trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 1940 ngày 06/4/2022, số 1941 ngày 06/4/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ủy ban nhân dân huyện H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- Đương sự;
- Lưu (3), 17b (Án HQ).

(Đã ký)

Võ Văn Khoa